

Tổng quan về Thức giả định (Subjunctive Mood) với It's high time

Thức giả định được sử dụng để diễn tả một sự việc không có thật, một giả định, một mong muốn, hoặc một điều cần thiết. Một trong những cấu trúc giả định phổ biến trong tiếng Anh là cấu trúc với 'It's time', 'It's high time', và 'It's about time'. Cấu trúc này dùng để diễn tả rằng đã đến lúc ai đó nên làm một việc gì đó, thường mang hàm ý phàn nàn, chỉ trích hoặc nhấn mạnh sự cấp bách.

1. Cấu trúc 1: It's (high/about) time + S + V (Quá khứ đơn)

Đây là cấu trúc giả định chính, dùng để nhấn mạnh rằng một hành động đáng lẽ đã phải được thực hiện rồi.

Công thức:

It's time / It's high time / It's about time + S + V(Past Simple/V2/Ved)

Giải thích:

- **It's time:** Đã đến lúc... (mang tính trung lập hơn).
- **It's about time:** Đã đến lúc rồi... (nhấn mạnh hơn một chút, có thể có ý phàn nàn nhẹ).
- **It's high time:** Đã quá trễ rồi, thật sự đã đến lúc phải... (nhấn mạnh nhất, thường mang ý chỉ trích hoặc phàn nàn mạnh mẽ).

- Mặc dù động từ (V) được chia ở thì quá khứ đơn, nhưng ý nghĩa của câu lại hướng về hiện tại hoặc tương lai. Đây là đặc điểm của thức giả định.

Ví dụ minh họa:

1. It's almost midnight. **It's high time you went to bed.**

(Gần nửa đêm rồi. Đã đến lúc con phải đi ngủ rồi đấy.) -> Người nói đang phàn nàn vì người nghe vẫn chưa đi ngủ.

2. You've been studying for 5 hours straight. **It's about time you took a break.**

(Bạn đã học liên tục 5 tiếng rồi. Đã đến lúc bạn nên nghỉ ngơi một chút.) -> Lời khuyên mang tính nhấn mạnh.

3. He is 30 years old but still financially dependent on his parents. **It's time he found a job.**

(Anh ta 30 tuổi rồi mà vẫn phụ thuộc tài chính vào bố mẹ. Đã đến lúc anh ta tìm một công việc.)

2. Cấu trúc 2: **It's time + (for somebody) + to-infinitive**

Cấu trúc này không phải là thức giả định. Nó chỉ đơn thuần nêu ra rằng bây giờ là thời điểm thích hợp để làm một việc gì đó, không mang sắc thái phàn nàn hay chỉ trích.

Công thức:

It's time + (for + Object) + to V(nguyên thể)

Giải thích:

- Cấu trúc này mang ý nghĩa rất trực tiếp: 'đã đến giờ làm gì'.
- Nó thường được dùng để thông báo, nhắc nhở một cách lịch sự, trung lập.
- Phần '(for + Object)' có thể có hoặc không. Nếu có, nó chỉ rõ đối tượng cần thực hiện hành động.

Ví dụ minh họa:

1. It's 7 AM. **It's time to wake up.**

(7 giờ sáng rồi. Đã đến lúc thức dậy.) -> Một thông báo đơn thuần.

2. The movie will start in 10 minutes. **It's time for us to go into the cinema.**

(Phim sẽ bắt đầu trong 10 phút nữa. Đã đến lúc chúng ta vào rạp chiếu phim.)

3. **It's time for the children to do their homework.**

(Đã đến giờ bọn trẻ làm bài tập về nhà.)

3. Bảng so sánh hai cấu trúc

Để giúp học sinh phân biệt rõ ràng, chúng ta có thể sử dụng bảng so sánh sau:

Tiêu chí	Cấu trúc 1: It's high time + S + V(quá khứ)	Cấu trúc 2: It's time + (for sb) + to V
Loại cấu trúc	Thức giả định (Subjunctive Mood)	Cấu trúc thông thường (Infinitive phrase)
Sắc thái ý nghĩa	Phàn nàn, chỉ trích, nhấn mạnh sự cấp bách. Hành động đáng lẽ đã phải xảy ra.	Trung lập, thông báo, nhắc nhở rằng thời điểm thích hợp để làm gì đó đã đến.
Thì của động từ	Động từ chính chia ở thì Quá khứ đơn nhưng mang nghĩa hiện tại/tương lai.	Động từ chính ở dạng nguyên thể có 'to' (to-infinitive) .
Ví dụ	It's high time you cleaned your messy room.	It's time for you to clean your room.

4. Những lưu ý quan trọng và lỗi sai thường gặp

- Không chia động từ ở thì hiện tại hoặc tương lai:** Lỗi sai phổ biến nhất là chia động từ sau chủ ngữ ở thì hiện tại đơn trong cấu trúc giả định.
SAI: *It's high time she realizes her mistake.*
ĐÚNG: *It's high time she **realized** her mistake.*
- Phân biệt 'high' và 'about':** 'high time' mang sắc thái mạnh nhất, thể hiện sự mất kiên nhẫn. 'about time' cũng mang ý nhấn mạnh nhưng nhẹ hơn. 'time' là trung lập nhất trong ba từ.

3. **Dạng phủ định và nghi vấn:** Cấu trúc này ít khi được dùng ở dạng phủ định hoặc nghi vấn. Tuy nhiên, nếu cần, ta có thể dùng như sau:

Isn't it time you told him the truth? (Câu hỏi tu từ)

4. **Với động từ 'to be':** Trong thức giả định, 'were' thường được ưu tiên sử dụng cho tất cả các ngôi thay vì 'was', đặc biệt trong văn viết trang trọng. Tuy nhiên, 'was' vẫn được chấp nhận trong văn nói thông thường.

*It's time he **were/was** more responsible.*